

Bản án số: **158/2019/HS-PT**

Ngày: 27/02/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Huy

Các Thẩm phán: Ông Phạm Năng Thành
Ông Phan Huy Cường

- Thư ký phiên tòa: Nguyễn Ngọc Hải - *Thư ký Tòa án;*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - *Kiểm sát viên.*

Ngày 27 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 93/2019/TLPT-HS ngày 14/01/2019 đối với bị cáo: LHS do có kháng cáo của bị cáo LHS đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 422/2018/HS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội:

*** Bị cáo có kháng cáo:** **LHS**, sinh năm 1982, tại Hà Nội; Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: 120 đường NL, phường XXX, quận AB, thành phố Hà Nội; Nơi ở: tổ 1 phường NC, quận TX, thành phố Hà Nội; Giới tính: nam; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Công H; Con bà Trịnh Thị T; Có vợ là Nguyễn Thu H (*đã ly hôn*) và có 01 con; Danh chỉ bản số: 391 lập ngày 03/7/2018 tại Công an quận Đống Đa; Tiền án: chưa có; Tiền sự: chưa có; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Hiện đang tại ngoại; Có mặt.

*** Bị hại:** Cty M (*trụ sở tại: số 1234 đường ABC, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh*); Người đại diện theo pháp luật: ông B – Tổng giám đốc Công ty; Người đại diện theo ủy quyền: ông Bùi NS; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 23/3/2018 Cty M, do anh NS được ủy quyền có đơn tố giác đến Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an quận Đống Đa về việc LHS có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Quá trình điều tra đã xác định: Công ty M hoạt động trong lĩnh vực cho vay tài chính, Công ty M có thỏa thuận hợp tác kinh doanh với các cửa hàng bán xe máy, cửa hàng điện thoại và hàng điện tử gia dụng ở các tỉnh, thành phố khác nhau để cung cấp dịch vụ cho vay trả góp mua hàng hóa hoặc cho vay tiền mặt. Khi khách hàng đến cửa hàng để mua sản phẩm nhưng không đủ tiền hoặc không muốn thanh toán tiền mua hàng một lần hoặc muốn vay tiền mặt thì Công ty M hỗ trợ khách hàng bằng cách ký hợp đồng tín dụng với khách hàng để cho vay tiền. Sau đó khách hàng sẽ thanh toán tiền trả góp cho Công ty M qua ngân hàng hoặc qua nhân viên thu hồi nợ của Công ty M

Để được Công ty M chấp nhận ký hợp đồng tín dụng cho vay tiền thì khách hàng phải có chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe hoặc hộ khẩu (*tất cả đều là bản chính*) để nhân viên Công ty M kiểm tra, đối chiếu. Đồng thời khách hàng phải có mặt tại thời điểm thực hiện hợp đồng vay, trực tiếp cung cấp thông tin về nhân thân, trả lời thông tin thẩm định và trực tiếp ký tên trên hợp đồng.

Trong quá trình kinh doanh Công ty M đã ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh với cửa hàng SD là cửa hàng kinh doanh điện thoại di động và máy tính bảng, để cung cấp dịch vụ cho vay trả góp đối với các khách hàng mua sản phẩm tại cửa hàng SD.

Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ thu thập được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Đống Đa đã triệu tập LHS. Tại Cơ quan điều tra LHS khai: Khoảng tháng 8/2016 LHS có gặp một người đàn ông khoảng 40 tuổi (*không rõ tên tuổi địa chỉ*) ở một quán trà đá trên phố Thái Hà, quận Đống Đa, TP. Hà Nội (*không nhớ địa chỉ cụ thể*) và hai bên đã thỏa thuận là người đàn ông này cung cấp cho Sơn: 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe mang tên người khác để S vay tiền của Công ty M khi mua hàng trả góp, với chi phí là 1.000.000 đồng. S đã đồng ý. Người đàn ông này yêu cầu S đưa 02 ảnh chụp chân dung để dán vào chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe và mua 03 sim điện thoại trả trước (*không rõ thông tin đăng ký*) để trả lời khi nhân viên của Công ty M gọi điện thoại thẩm định. Người đàn ông này còn đưa cho S một số thông tin liên quan đến người mang tên Lê Văn Văn như họ tên, nghề nghiệp, người thân, địa chỉ liên lạc, nơi làm việc và bảo S học thuộc để trả lời khi gặp nhân viên của Công ty M điện thoại kiểm tra. Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 16/8/2016 tại một quán hàng nước trên phố Thái Hà, S đã gặp người đàn ông này nhận 01 chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe đều mang tên Lê Văn V nhưng dán ảnh của S. Sau đó, S đến Cửa hàng SD gặp anh Phạm Thế P là nhân viên Công ty M để làm thủ tục vay tín dụng mua hàng trả góp. S đã dùng 01 chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe đều mang tên Lê Văn V để ký kết Hợp đồng tín dụng vay trả góp số 3679099..... ngày 16/8/2016 với Công ty M với nội dung là: S vay của Công ty M số tiền 7.426.000 đồng để mua một chiếc điện thoại Iphone 6 tại Cửa hàng SD; tổng trị giá hàng hóa

trên hóa đơn là 14.090.000 đồng, S đã trả trước cho Cửa hàng SD số tiền 7.100.000 đồng và nhận chiếc điện thoại Iphone 6 tại cửa hàng; số tiền còn thiếu là 6.990.000 đồng được Công ty Mchuyển cho Cửa hàng SD; ngoài ra, S còn vay của Công ty M số tiền 436.000 đồng để mua bảo hiểm khoản vay; thời hạn trả góp là 12 tháng, số tiền trả góp mỗi tháng là 953.000 đồng. Ngay sau đó, nhân viên Công ty M đã gọi điện vào số điện thoại 093620..... (*do Scung cấp*) để thẩm định, S đã nói mình là Lê Văn V và xác nhận các thông tin vừa cung cấp cho nhân viên kinh doanh của Công ty M. Sau khi thẩm định, hợp đồng tín dụng cho vay trả góp được duyệt vay. S đã nhận được sản phẩm là điện thoại Iphone 6 rồi đi ra khỏi Cửa hàng. S đến gặp người đàn ông đã đưa chứng minh thư và giấy phép lái xe mang tên Lê Văn V cho S, S trả cho người đàn ông này số tiền 1.000.000 đồng như đã thỏa thuận và hoàn trả chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe mang tên Lê Văn V (*sau khi bóc lấy lại ảnh thẻ của S*). Chiếc điện thoại mua được S sử dụng một thời gian rồi bán cho 01 người đi đường không quen biết với giá 9.700.000 đồng. Từ khi ký hợp đồng tín dụng vay tiền trả góp nêu trên với Công ty M, S không trả tiền theo thỏa thuận hợp đồng đã ký.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã triệu tập anh Lê Văn Văn, anh Văn khai nhận: Vào khoảng tháng 8/2016 anh Văn bị mất Chứng minh nhân dân và Giấy phép lái xe. Bản thân anh Văn không có mối quan hệ với LHS và anh Văn cũng không ký kết hợp đồng vay trả góp với Công ty M

Tại Kết luận giám định số 4802/C54 -P5 ngày 21/11/2017, Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận: Chữ ký, chữ viết cần giám định trên các tài liệu ký hiệu A1, A2 so với chữ viết của LHS trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người ký và viết ra.

Tại Cơ quan điều tra, LHS đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Ngày 15/9/2017 và 21/12/2017, LHS đã khắc phục hậu quả cho Công ty M số tiền 12.000.000 đồng (*bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi*). Đại diện của Công ty M là anh Bùi Ngọc S không có yêu cầu bồi thường dân sự nào khác.

Đối với người đàn ông đưa chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe mang tên Lê Văn V cho S, Cơ quan điều tra hiện không xác định được nên không có căn cứ làm rõ để xử lý.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 422/2018/HS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa đã quyết định: Tuyên bố bị cáo LHS phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Áp dụng: khoản 1 Điều 174; điểm b và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/12/2018, bị cáo LHS có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được tự cải tạo ngoài xã hội; bị hại không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị Bản án.

**Tai phiên tòa phúc thẩm:*

- Bị cáo giữ nguyên lời khai như đã khai tại phiên tòa sơ thẩm và lời khai như đã khai tại Cơ quan điều tra. Bị cáo công nhận việc truy tố, xét xử như ở cấp sơ thẩm là đúng người, đúng tội, bị cáo không bị oan, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xin được hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Bị cáo là người có quyền kháng cáo, đơn kháng cáo của bị cáo được làm trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định của pháp luật về hình thức, nội dung nên kháng cáo của bị cáo là hợp lệ, cần được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Về nội dung: Bản án sơ thẩm kết án bị cáo về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là có căn cứ, đúng pháp luật, mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 06 tháng tù là tương xứng với tính chất mức độ tội phạm do bị cáo đã thực hiện. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt của Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên, xử phạt bị cáo 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Kháng cáo của bị cáo được làm trong thời hạn luật định, đảm bảo về chủ thể kháng cáo và thời hạn kháng cáo theo Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; hình thức và nội dung đơn kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, kháng cáo của bị cáo là hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm và lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 14 giờ ngày 16/8/2016, tại Cửa hàng SD bằng hình thức mua hàng trả góp, vay tiền của Công ty M mua 01 chiếc điện thoại Iphone 6 Plus, LHS đã dùng 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Lê Văn V và đưa ra các thông tin giả để lừa đảo chiếm đoạt số tiền 7.426.000 đồng của Công ty M. Đến nay, bị cáo đã khắc phục hậu quả, bồi thường toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi cho bị hại.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm luật hình sự, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây lo lắng trong nhân dân, bị cáo đã dùng giấy tờ mang tên người khác, đưa ra các thông tin giả để vay tiền của Công ty M dưới hình thức mua hàng trả góp, để chiếm đoạt của Công ty số tiền

7.426.000 đồng (gồm 6.990.000 đồng mua hàng và 436.000 đồng phí mua bảo hiểm). Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo của bị cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo có kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được tự cải tạo ngoài xã hội, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy: Khi xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện sửa chữa bồi thường khắc phục toàn bộ hậu quả vụ án để áp dụng các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Tại cấp phúc thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy: Số tiền bị cáo chiếm đoạt không lớn; ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên, bị cáo phạm tội lần này là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có thể áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên, có nơi cư trú rõ ràng, nên có thể mở lượng khoan hồng, áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo hưởng án treo, tự cải tạo ngoài xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo, nhưng cho bị cáo hưởng án treo, tự cải tạo ngoài xã hội.

[2.3] Về các nội dung khác:

Về án phí: Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo phải không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 343 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Chấp nhận kháng cáo của bị cáo LHS; sửa Bản án số 422/2018/HS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội về phần hình phạt đối với bị cáo LHS, cụ thể như sau:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 174; các điểm b, i và s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo: LHS 06 (sáu) tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo LHS cho Ủy ban nhân dân phường NC quận TX, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- TAND quận Đống Đa
- VKSND quận Đống Đa
- Chi cục THADS quận Đống Đa
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác.
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

VŨ QUANG HUY

